TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/ /2020
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2020/HNGĐ – TLST ngày 16/01/2020 về " *Tranh chấp ly hôn*, *nuôi con chung*".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09A/2020/QĐ - ST ngày 13/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐ-ST ngày 28/02/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 31/TB-TA ngày 13/3/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 39/TB-TA ngày 31/3/2020 giữa:

1.Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh ngày 09/6/1978.

HKTT: Khu dân cư C, phường H, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị B, sinh ngày 06/12/1981.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 4, xóm C,, thôn H, xã X, huyện L (nay thuộc thành phố H), tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đồng Thị C (mẹ đẻ của chị B).

Trú tại: Đội 4, xóm C, thôn H, xã X, huyện L (nay thuộc thành phố H), tỉnh Hải Dương.

(Anh H, chị B và bà Bồn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bầy: Anh và chị B tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thị trấn Đ, huyện L (nay là phường Đ, thành phố L) ngày 15/9/2003. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại gia đình chị B ở thôn H, xã X, huyện L (nay thuộc thành phố H) , tỉnh Hải Dương. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2009 anh H đã về sống cùng với bố mẹ đẻ tại phường H, thành phố L, còn chị B và con vẫn sinh sống tại huyện L. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai bên ít liên lạc với nhau. Năm 2019 anh đã có đơn yêu cầu Tòa án huyện L tuyên bố chị B mất tích, nhưng Tòa án đã đình chỉ vụ án. Sau đó anh được biết chị B hiện đang lao động làm việc tại Hàn Quốc. Giữa hai người không còn liên lạc nên anh không biết địa chỉ của chị B. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh H xác định anh và chị B có 01 con chung là Phạm Văn P, sinh ngày 30/3/2004. Từ nhỏ cháu P sinh sống cùng với mẹ và bà ngoại. Do anh đang làm thủ tục đi nước ngoài lao động nên không thể đón con về nuôi dưỡng, anh đồng ý để con cho chị B nuôi con. Trong thời gian chị B không có mặt tại Việt Nam, anh đồng ý để cháu P cho bà Đồng Thị C là mẹ đẻ của chị B chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị B tại Hàn Quốc, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình chị B, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị B tại Hàn Quốc. Bà Đồng Thị C là mẹ đẻ chị B xác định chị B hiện lao động tại Hàn Quốc. Tháng 01/2020 chị B về Việt Nam thăm gia đình và có biết việc anh H làm đơn ly hôn, nhưng do điều kiện công việc nên chị B không ở lại Việt Nam để giải quyết ly hôn. Bà C không biết địa chỉ của chị B ở Hàn Quốc nên không cung cấp được cho Tòa án, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị B biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các băn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà C xác định đã thông tin cho chị B biết. Chị B có quan điểm đồng ý ly hôn và xin được nuôi con, đồng thời không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. Bà C đồng ý thay chị B trông nom, chăm sóc cháu Phạm Văn P trong thời gian chị B không có mặt tại Việt nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết

thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị B ở Hàn Quốc. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị B cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn H và chị Hồ Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện L(nay là phường Đ, thành phố L) ngày 15/9/2003, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới anh H sinh sống tại gia đình chị B. Vợ chồng sống hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2009 anh H đã về L sinh sống, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Thông qua gia đình, chị B cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

- *Về con chung:* Anh Phạm Văn H và chị Hồ Thị B có 01 con chung là Phạm Văn P, sinh ngày 30/3/2004.Hiện cháu P đang ở với bà ngoại là Đồng Thị C. Cháu có quan điểm được ở với mẹ, thời gian mẹ không ở Việt Nam cháu có nguyện vọng được ở với bà ngoại. Hội đồng xét xử thấy, theo anh H hiện tại anh đang làm thủ tục đi lao động tại nước ngoài, nên việc giao con cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo. Bà C đồng ý thay chị B chăm sóc cháu P trong thời gian chị B không ở Việt Nam. Do vậy để đảm bảo sự ổn định của cháu P, cần chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu P cho chị B nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Giao cháu P cho bà Đồng Thị C nuôi dưỡng trong thời gian chị B không ở Việt Nam.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3].Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Hồ Thị B.

2.Về con chung: Giao con chung Phạm Văn P, sinh ngày 30/3/2004 cho chị Hồ Thị B nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị B không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu P cho bà Đồng Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Pham Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0000767 ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Hồ Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh Hải Dương*
- *Các đương sự.*
- *UBND phường Đ*
- *UBND xã X*
- *Lưu.*